

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 38/Daesang/2026**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương  
Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.  
E-mail: daesang.rd@gmail.com  
Mã số doanh nghiệp: 2600109933-009  
Giấy chứng nhận FSSC 22000 số: VN20/00088 ngày chứng nhận từ 17/3/2020 do SGS United Kingdom Ltd cấp. Được gia hạn từ ngày 17/03/2026 có hiệu lực đến ngày 16/03/2029.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG**

**2. Thành phần:** Nước, đường, đường ngô (HFCS), hành tây, muối, nước tương (đậu nành, nước), chất làm dày (INS1422, INS415), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tỏi, gừng, hành tím, dứa, bột nước tương (protein đậu nành thủy phân, maltodextrin, L-Alanine, chất điều chỉnh độ acid (INS364(ii)), cò thực phẩm, chất tạo màu tự nhiên (150c), tiêu, chanh leo, chất điều chỉnh độ acid (INS330, INS260), ớt, chất bảo quản (INS202), hương liệu tổng hợp (hương nước tương), chất tạo ngọt tự nhiên (INS960a).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

Thời hạn sử dụng: 12 tháng.

+ Ngày sản xuất (NSX): được in trên bao bì sản phẩm.

+ Hạn sử dụng (HSD): 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Bao bì: phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

+ Chất liệu: PET//AL//PA//RCPE(LLDPE), thủy tinh/sắt tây...hoặc các chất liệu khác phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của bộ Y tế.

+ Bao bì ngoài: hộp carton

+ Quy cách bao gói: 80g, 240g, 900g, 1kg, 2.5kg, 4kg, 5kg, 10kg,..hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

**Sản phẩm của:** CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM.

Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

**Sản xuất tại:** Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương.



Địa chỉ: Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**Xuất xứ:** Việt Nam.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2026/DAESANG

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

*Hải Phòng, ngày 10 tháng 04 năm 2026*

**Chi nhánh công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương**



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

Hải Phòng, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BKHCN ban hành ngày 18 tháng 11 năm 2021 về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Daesang Việt Nam;

Theo đề nghị của đại diện lãnh đạo về chất lượng;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 38:2026/DAESANG**

**Điều 2.** Công bố việc áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở nói trên cho sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

**Điều 3.** Các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, thực hiện, theo dõi, cập nhật, đảm bảo sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** do Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh phù hợp với yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn cơ sở nói trên.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Các phòng ban công ty;
- Lưu: VT/R&D.



**GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM  
TẠI HẢI DƯƠNG**

**TCCS 38:2026/DAESANG**

**Lần ban hành: 01**

**Lần sửa đổi: 00**

**SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG**

**HẢI PHÒNG - 2026**



TCCS 38:2026/DAESANG

SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG

| Nội dung   | Biên soạn   | Soát xét  |
|------------|---|---|
| Họ và tên: | Nguyễn Thị Hồng   | Nguyễn Thị Thu Thương   |
| Chức danh: | Nhân viên R&D   | Đội trưởng R&D  |
| Chữ ký:    |  |  |

Hải Phòng, ngày 10 tháng 04 năm 2026

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY  
PARK JUNGIL

**Mục lục**

|                                      |   |
|--------------------------------------|---|
| 1. Phạm vi áp dụng .....             | 3 |
| 2. Tài liệu viện dẫn: .....          | 3 |
| 3. Yêu cầu kỹ thuật .....            | 3 |
| 3.1 Yêu cầu cảm quan .....           | 3 |
| 3.2 Yêu cầu về lý - hóa.....         | 3 |
| 3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng.....         | 4 |
| 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm..... | 4 |
| 4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật .....       | 4 |
| 4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm .....     | 5 |
| 4.3 Dư lượng kim loại nặng .....     | 5 |
| 4.4 Phụ gia thực phẩm.....           | 5 |
| 5. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản ..... | 5 |
| 5.1 Bao gói .....                    | 5 |
| 5.2 Ghi nhãn .....                   | 6 |
| 5.3 Bảo quản.....                    | 6 |

**Lời nói đầu**

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2026/DAESANG do Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương phê duyệt ban hành theo Quyết định số 38/2026/QĐ-DAESANG

Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật.

Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, huỷ bỏ phải tuân thủ quy định về kiểm soát tài liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương

**1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định áp dụng cho sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** do Chi Nhánh Công ty TNHH Daesang Việt Nam tại Hải Dương sản xuất và kinh doanh.

**2. Tài liệu viện dẫn:**

Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thông tư 24/2019/TT-BYT, Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm; Thông tư 17/2023/TT-BYT, Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm

QCVN 8-1:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

QCVN 8-2:2011/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

**3. Yêu cầu kỹ thuật**

**3.1 Yêu cầu cảm quan**

Các yêu cầu cảm quan đối với sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 – Yêu cầu cảm quan**

| Chỉ tiêu      | Yêu cầu   |
|---------------|---|
| 1. Trạng thái | Dạng sốt, sánh.                                 |
| 1. Màu sắc    | Màu nâu sáng đến nâu đen                        |
| 2. Mùi, vị    | Mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. |

**3.2 Yêu cầu về lý - hóa**

Các yêu cầu về lý - hóa đối với sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được quy định trong Bảng 2.

**Bảng 2 – Yêu cầu về lý - hóa**

| Tên chỉ tiêu                            | Mức             |
|---|-----------------|
| 1. pH                                   | Từ 4 đến 6      |
| 2. Muối (NaCl), %                       | Từ 5,2 đến 10,8 |
| 3. Hàm lượng chất khô, %, không nhỏ hơn | 40              |

### 3.3 Chỉ tiêu dinh dưỡng

Các chỉ tiêu dinh dưỡng đối với sản phẩm SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG được quy định trong Bảng 3.

**Bảng 3 – Yêu cầu về chỉ tiêu dinh dưỡng**

| Tên chỉ tiêu                          | Mức            |
|---------------------------------------|----------------|
| 1. Năng lượng, kcal/100g              | Từ 113 đến 200 |
| 2. Carbohydrat, g/100g                | Từ 29 đến 47   |
| 3. Chất đạm, g/100g                   | Từ 1,1 đến 3,5 |
| 4. Chất béo, g/100g, không lớn hơn    | 0,7            |
| 5. Natri (Na), mg/100g, không lớn hơn | 5000           |
| 6. Đường tổng, g/100g                 | Từ 26 đến 43   |

### 4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

#### 4.1 Chỉ tiêu vi sinh vật

Các chỉ tiêu vi sinh vật đối với sản phẩm SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG được quy định trong Bảng 4.

**Bảng 4– Yêu cầu về vi sinh vật**

| Tên chỉ tiêu  | Mức             |
|---|-----------------|
| 1. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g, không lớn hơn        | $10^4$          |
| 2. Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc, CFU/g, không lớn hơn | $10^2$          |
| 3. Coliforms, CFU/g, không lớn hơn                        | $10^2$          |
| 4. E.Coli, MPN/g, không lớn hơn                           | 3               |
| 5. S.aureus, CFU/g, không lớn hơn                         | $10^2$          |
| 6. Salmonella spp., /25g                                  | Không phát hiện |

#### 4.2 Chỉ tiêu độc tố vi nấm

Các chỉ tiêu độc tố vi nấm đối với sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được quy định trong Bảng 5.

**Bảng 5– Chỉ tiêu độc tố vi nấm**

| Tên chỉ tiêu  | Mức |
|---|-----|
| 1. Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn | 10  |
| 2. Ochratoxin A, $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn                    | 30  |
| 3. Aflatoxin B1, $\mu\text{g}/\text{kg}$ , không lớn hơn                    | 5   |

#### 4.3 Dư lượng kim loại nặng

Các chỉ tiêu kim loại nặng đối với **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được quy định trong Bảng 6.

**Bảng 6 – Dư lượng kim loại nặng**

| Tên chỉ tiêu   | Mức  |
|--|------|
| 1. Chì (Pb), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn       | 2    |
| 2. Cadimi (Cd), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn    | 1    |
| 3. Arsen (As), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn     | 1    |
| 4. Thủy ngân (Hg), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn | 0,05 |

#### 4.4 Phụ gia thực phẩm

Các yêu cầu phụ gia thực phẩm đối với sản phẩm **SÓT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được quy định trong Bảng 7.

**Bảng 7 – Phụ gia thực phẩm**

| Tên chỉ tiêu   | Mức   |
|--|-------|
| 1. Natri benzoat (INS 211), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn                  | 1000  |
| 2. Kali sorbat (INS 202), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn                    | 1000  |
| 3. Steviol glycosides(INS960a), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn              | 350   |
| 4. Caramel III – Ammonia caramel (INS 150c), $\text{mg}/\text{kg}$ , không lớn hơn | 50000 |

### 5. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản

#### 5.1 Bao gói

Sản phẩm phải được đóng gói trong bao bì phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định bộ Y tế.

Quy cách bao gói: 80g, 240g, 900g, 1kg, 2.5kg, 4kg, 5kg, 10kg,...hoặc các quy cách theo yêu cầu của khách hàng

**5.2 Ghi nhãn**

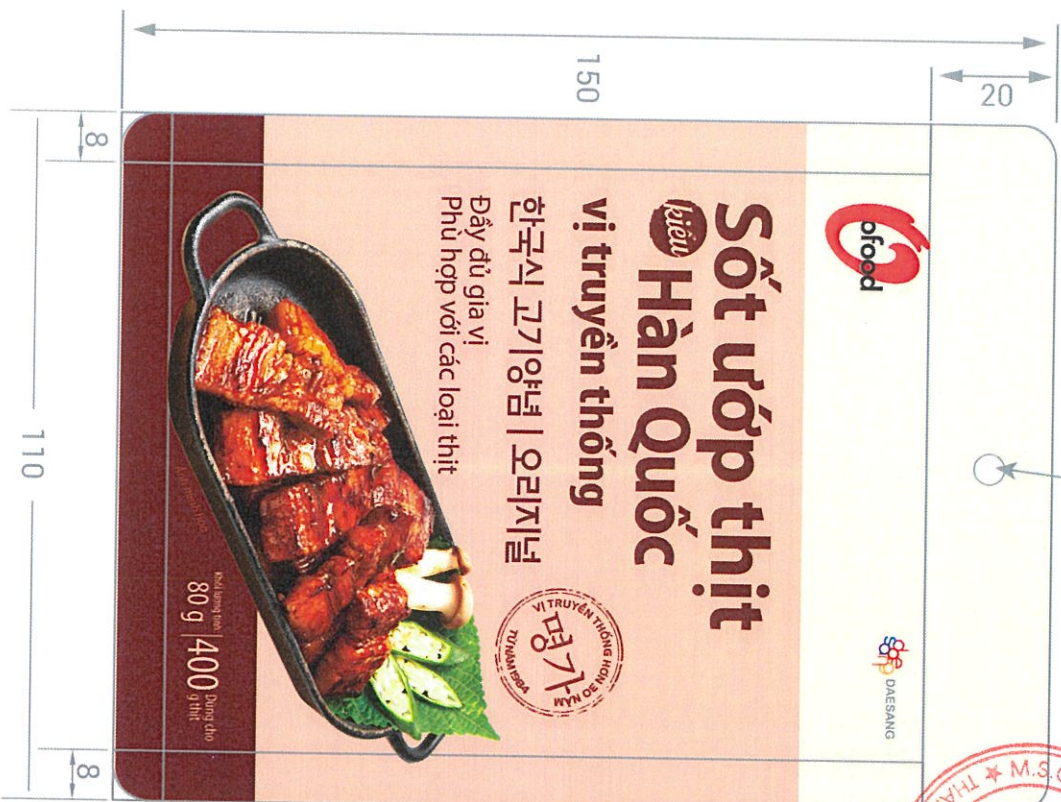
Nhãn sản phẩm **SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG** được ghi trên bao bì theo quy định tại nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**5.3 Bảo quản**

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao bì, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.



Lỗ treo



| ĐỘI THIẾT KẾ  | QUẢN LÝ SẢN PHẨM   | ĐỘI NGHIÊN CỨU SP  | MARKETING DIRECTOR  |
|---|--|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>• B8 Cục</li> <li>• Màu Sắc</li> <li>• Logo, hình ảnh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tên sản phẩm</li> <li>• Nội dung quảng cáo</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thành phần</li> <li>• Giá trị dinh dưỡng</li> <li>• Kích thước</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Barcode, NSX-HSD,</li> <li>• Số TGB, KLT...</li> <li>• Địa chỉ nhà SX</li> </ul> |

A. Đội Thiết kế - CM - R&D cùng kiểm tra theo thông tin tổng thể thiết kế của sản phẩm

Bề theo đường rãnh của

165 mm

200 g  
thịt

Vạch chia sốt  
theo khối lượng  
thịt tương ứng.

Thành phần: Nước, đường, đường ngô (HFCS), hành tây, muối, nước tương (đậu nành, nước), chất làm dày (MS1422, MS1415), chất điều vị (MS521, MS531, MS527), tỏi, gừng, hành tím, ớt, bột nước tương (protein đậu nành thủy phân, maltodextrin, L-Alanine, chất điều chỉnh độ acid (MS35640)), cơm thực phẩm, chất tạo màu từ nhân (D50), tiêu, chanh leo, chất điều chỉnh độ acid (MS330, MS250), ớt, chất bảo quản (MS202), hương liệu tổng hợp (tương nước tương), chất tạo ngọt từ nhân (MS960a).

**400 g  
thịt**  
Hương dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các món nướng, chiên, xào, ram, kho... Lắc đều trước khi sử dụng.  
Bước 1: Ướp với ít 20 g sốt cho 100 g thịt hoặc ứng theo vạch chia sốt trên chai trong 15 phút.  
Bước 2: Sử dụng thịt đã ướp, chế biến các món ăn mong muốn. Không cần thêm gia vị khác.

**600 g  
thịt**  
Hương dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao bì, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh. Thông tin cảnh báo: Sản phẩm dùng để nấu, không dùng để chiên trực tiếp. Sản phẩm chứa thành phần cá nguyên gốc từ đậu nành. Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.  
HSD: 12 tháng kể từ NSX

HSX:



# Sốt ướp thịt biểu Hàn Quốc vi truyền thống



한국식 고기양념 | 오리계념

Đây là gia vị  
Phù hợp với các loại thịt

Khối lượng tịnh **240 g**  
Dùng cho 1,2 kg thịt



Authentic Taste

Sản xuất theo công thức bí truyền hơn 30 năm của Hàn Quốc (từ năm 1984). Với nguyên liệu tự nhiên tươi ngon: hành tây, hành tím, chanh leo, ớt... giúp thịt mềm, ngọt, tăng vị ngon của thịt lên nhiều lần. Sản phẩm phù hợp các loại thịt heo, thịt bò, thịt gà...

**Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g:**

Năng lượng: 161,3 kcal      Chất béo: 0,05 g  
Carbohydrat: 37,6 g      Natri: 3508 mg

Chất đạm: 2,5 g      Đường tổng số: 35,4 g

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM

Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG

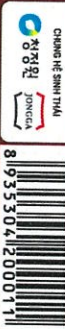
VIỆT NAM TÀI HẢI DƯƠNG

Là 101 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Bình - Lương Bình, xã

Cẩm Giang, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: (024) 3768 0563      Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất theo số TCS: 38-2026/DAESANG



| ĐỐI THIẾT KẾ  | QUẢN LÝ SẢN PHẨM   | ĐỘI NGHIÊN CỨU SP  | MARKETING DIRECTOR   |
|---|--|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Bố Cục</li> <li>Màu Sắc</li> <li>Logo, hình ảnh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên sản phẩm</li> <li>Nội dung quảng cáo</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thành phần</li> <li>Giá trị dinh dưỡng</li> <li>Kích thước</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Barcode, NSX-HSD,</li> <li>Số TCB, KI...</li> <li>Địa chỉ nhà SX</li> </ul> |

▲ Đối Thiết kế - CM - R&D cũng kiểm tra chéo thông tin tổng thể thiết kế của sản phẩm.



### SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG

**1. Thành phần:** Nước, đường, đường ngô (HFCS), hành tây, muối, nước tương (đậu nành, nước), chất làm dày (INS1422, INS415), chất điều vị (INS621, INS631, INS627), tói, gừng, hành tím, dừa, bột nước tương (protein đậu nành thủy phân, maltodextrin, L-Alanine, chất điều chỉnh độ acid (INS364(ii)), còn thực phẩm, chất tạo màu tự nhiên (150c), tiêu, chanh leo, chất điều chỉnh độ acid (INS330, INS260), ớt, chất bảo quản (INS202), hương liệu tổng hợp (hương nước tương), chất tạo ngọt tự nhiên (INS960a).

**2. Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100 g:** Năng lượng: 208,3 kcal; Carbohydrat: 44,5 g; Chất đạm: 3,7 g; Chất béo: 0,05 g; Natri: 3197 mg; Đường tổng số: 37,6 g

**3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chế biến các món nướng, chiên, xào, ram, kho... Lắc đều trước khi sử dụng.

Bước 1: Ướp với tỉ lệ 20 g sốt cho 100 g thịt trong 15 phút.

Bước 2: Sử dụng thịt đã ướp, chế biến các món ăn mong muốn. Không cần thêm gia vị khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sau khi mở bao bì, bảo quản trong ngăn mát tủ lạnh.

**4. Thông tin cảnh báo:** Sản phẩm dùng để nấu, không dùng để chấm trực tiếp. Sản phẩm chứa thành phần có nguồn gốc từ đậu nành. Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm

**5. Ngày sản xuất:**

**6. Khối lượng tịnh:** 2,5 kg

**7. Sản xuất theo số TCCS 38:2026/DAESANG**

**8. Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM**

**Địa chỉ:** Phố Sông Thao, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**Sản xuất tại: CHI NHANH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG**

**Địa chỉ:** Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, xã Cẩm Giàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**9. Xuất xứ:** Việt Nam

**10. Tư vấn khách hàng:** (024) 3768 0563

**Hạn sử dụng:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

 Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng  
 Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : X4GD2512200533-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00257236

|                        |   |
|------------------------|---|
| Mã số Eol :            | 005-32410-629678  |
| Tên mẫu :              | SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÂN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG              |
| Tình trạng mẫu :       | Mẫu đựng trong bao bì kín                               |
| Ngày nhận mẫu :        | 22/12/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/01/2026 |
| Thời gian thử nghiệm : | 26/12/2025 - 07/01/2026                                 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                            | ĐƠN VỊ      | PHƯƠNG PHÁP THỬ                              | KẾT QUẢ                    |
|-----|--|-------------|--|----------------------------|
| 1   | VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng                     | g/ 100 g    | AOAC 991.43                                  | 0.41                       |
| 2   | VW066 VW (a) Chất đạm                          | g/ 100 g    | TCVN 10034:2013                              | 2.43                       |
| 3   | VW081 VW (a) Chất béo                          | g/ 100 g    | N79-R-RD1-TP-9756 (Tham khảo TCVN 8136:2009) | Phát hiện vết(<0.3)        |
| 4   | VD4P0 VD (a) Đường tổng                        | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | 35.6                       |
| 5   | VD4P0 VD (a) Fructose                          | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | 11.4                       |
| 6   | VD4P0 VD (a) Glucose                           | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | 7.10                       |
| 7   | VD4P0 VD (a) Lactose                           | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | Không phát hiện (LOD=0.15) |
| 8   | VD4P0 VD (a) Maltose                           | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | Không phát hiện (LOD=0.15) |
| 9   | VD4P0 VD (a) Sucrose                           | g/ 100 g    | EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)   | 17.1                       |
| 10  | VD6ZP VD (a) Natri (Na)                        | mg/ 100 g   | EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)        | 3430                       |
| 11  | VDGE4 VD (a) Carbohydrat không bao gồm chất xơ | g/ 100 g    | AOAC 2020.07                                 | 35.80                      |
| 12  | VWL74 VW Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)    | kcal/ 100 g | FAO 2003 77                                  | 155                        |

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.  
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.  
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



 Trần Thị Mỹ Dung  
 Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

  
 Lý Hoàng Hải  
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 10/02/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 10/02/2026.

**Ghi chú giải thích**

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DAESANG VIỆT NAM TẠI HẢI DƯƠNG

Lô 10.1 đường số 1, khu công nghiệp Cẩm Điền - Lương Điền, Xã Cẩm Giàng

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22507020021-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00119438

Mã số Eol :

005-32410-496943

Tên mẫu / Tên sản phẩm :

SỐT ƯỚP THỊT KIỂU HÀN QUỐC VỊ TRUYỀN THỐNG

Mô tả mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

02/07/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 11/07/2025

Thời gian kiểm nghiệm :

03/07/2025 - 14/07/2025

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                       | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ  | KẾT QUẢ                     |
|-----|---|--------|--|-----------------------------|
| 1   | VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>       | /25 g  | ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020   | Không phát hiện             |
| 2   | VW030 VW (a) <i>Escherichia coli</i>      | MPN/ g | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)  | Không phát hiện (LOD=0)     |
| 3   | VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i> | cfu/ g | ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023  | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 4   | VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>             | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)   | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 5   | VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí | cfu/ g | ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022   | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 6   | VW1P9 VW Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc  | cfu/ g | N79-R-RD2-TP-30102 (Tham khảo. AOAC 2014.05)   | Không phát hiện (LOD=10)    |
| 7   | VW04K VW (a) pH value                     |        | N79-R-RD1-TP-9758 (Tham khảo TCVN 4835:2002)   | 4.63                        |
| 8   | VD156 VD (a) Độ Brix (20°C)               | °Brix  | TCVN 4414:1987   | 53.7                        |
| 9   | VW073 VW (a) Cadimi (Cd)                  | mg/ kg | AOAC 2015.01   | Không phát hiện (LOD=0.01)  |
| 10  | VW067 VW (a) Ochratoxin A                 | µg/ kg | N79-R-RD1-TP-9395 (Tham khảo TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)                                     | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 11  | VWHGN VW (a) Aflatoxin B1                 | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 12  | VWHGN VW (a) Aflatoxin tổng               | µg/ kg | N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007) | Không phát hiện (LOD=0.5)   |
| 13  | VW07V VW (a) Muối (NaCl)                  | %      | N79-R-RD1-TP-17839 (Tham khảo TCVN 3701:2009)  | 7.49                        |
| 14  | VW071 VW (a) Arsen (As)                   | mg/ kg | AOAC 2015.01   | 0.04                        |
| 15  | VW072 VW (a) Chì (Pb)                     | mg/ kg | AOAC 2015.01   | Không phát hiện (LOD=0.017) |



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00119438

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM         | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ | KẾT QUẢ                     |
|-----|-----------------------------|--------|-----------------|-----------------------------|
| 16  | VW074 VW (a) Thủy ngân (Hg) | mg/ kg | AOAC 2015.01    | Không phát hiện (LOD=0.007) |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 26/03/2026, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 26/03/2026.

### Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 10 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/).

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

(\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-126108-01/743-2025-00119438, xuất ngày 04/08/2025; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)

